

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/01/2021
“V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Châu Hùng;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 406/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao Thanh M, sinh năm 1987, địa chỉ: số 134/24A, tổ 9, khóm T, phường H, thành phố XL, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Hồ Văn Q, sinh năm 1979, địa chỉ: số 25 đường số 9 khu dân cư, phường CP, thành phố K, tỉnh An Giang.

Bà M, ông Q vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Cao Thanh M trình bày: Vào năm 2016, bà M và ông Q do mai mối, tìm hiểu nhau và sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung, bà M và ông Q phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên bà M và ông Q không còn sống chung với nhau vào năm 2019. Cuộc sống chung

không hạnh phúc nên bà M yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Cao Thanh M và ông Hồ Văn Q có 02 (hai) con chung tên Hồ Trung T, sinh ngày 29/01/2017 và Hồ Ngọc A, sinh ngày 27/4/2018. Bà M yêu cầu nuôi dạy 02 con chung và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung tháng 4.000.000 đồng /cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Văn Q trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến cuộc sống chung của ông Q và bà M như bà M trình bày. Trong thời gian chung sống, ông Q và bà M phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên sống chung không hạnh phúc. Hiện nay, ông Q và bà M đã không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Tình cảm của ông Q và bà M không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình nên ông Q đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Thống nhất với lời trình bày của bà M giữa ông Q và bà M có 02 (hai) con chung tên Hồ Trung T, sinh ngày 29/01/2017 và Hồ Ngọc A, sinh ngày 27/4/2018. Ông Q đồng ý giao 02 con chung cho bà M nuôi dạy và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tháng 4.000.000 đồng /cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Cao ThanhThúy và ông Hồ Văn Q chung sống với nhau vào năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa bà M, ông Q.

* Tại phiên tòa:

- Thẩm phán công bố bản tự khai của nguyên đơn, bản tự khai bị đơn.
- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, có cơ sở xác định, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016, không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa

vợ và chồng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng.

Về con chung: Bà Cao Thanh M và ông Hồ Văn Q thống nhất giao con chung tên Hồ Trung T, sinh ngày 29/01/2017 và Hồ Ngọc A, sinh ngày 27/4/2018 cho bà M nuôi dạy, ông Q cấp dưỡng nuôi dạy con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng /cháu. Xét, sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định pháp luật nên công nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Cao ThanhThúy và ông Hồ Văn Q khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Bà Cao Thanh M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hồ Văn Q. Ông Q có nơi cư trú trên địa bàn thành phố K. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân, bà Cao Thanh M và ông Hồ Văn Q do mai mối, tìm hiểu nhau và sống chung với nhau vào năm 2016, không đăng ký kết hôn.

Theo giấy xác minh của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố XL, tỉnh An Giang: Bà Cao Thanh M và ông Hồ Văn Q không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H.

Theo giấy xác minh của Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố K, tỉnh An Giang: Bà Cao Thanh M và ông Hồ Văn Q không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CP.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân - gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”*.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân - gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”*.

Bà Cao Thanh M và ông Hồ Văn Q sống chung với nhau từ năm 2016, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét, không công nhận bà Cao Thanh M và ông Hồ Văn Q là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà Cao Thanh M và ông Hồ Văn Q cùng thống nhất: Trong thời gian chung sống, bà M và ông Q có 02 (hai) con chung tên Hồ Trung T, sinh ngày 29/01/2017 và Hồ Ngọc A, sinh ngày 27/4/2018; hiện đang sống cùng bà M. Bà M và ông Q thống nhất bà M được tiếp tục nuôi dạy con chung, ông Q cấp dưỡng nuôi con chung tháng 4.000.000 đồng /cháu. Đây là sự thỏa thuận của các đương sự về việc người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng, không trái với quy định pháp luật. Xét, công nhận sự thỏa thuận của bà M, ông Q.

[3] Về tài sản chung và nợ chung, bà M và ông Q khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà M đã nộp. Ông Q không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Cao Thanh M và ông Hồ Văn Q là vợ chồng.

[2] Về con chung:

Bà Cao Thanh M được nuôi dạy con chung Hồ Trung T, sinh ngày 29/01/2017 và Hồ Ngọc A, sinh ngày 27/4/2018. Ông Hồ Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tháng 4.000.000 đồng /cháu cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động, thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2021.

Bà Cao Thanh M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Hồ Văn Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Cao Thanh M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0004205 ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K; Bà Cao Thanh M đã nộp đủ án phí.

Ông Hồ Văn Q không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

[4] Thời hạn kháng cáo của bà Cao Thanh M và ông Hồ Văn Q là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. K (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.K (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức